

Bản án số: 101/2021/HS-ST

Ngày: 24-06-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh;

2- Bà Nguyễn Thị Nga

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Anh - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2021/TLST- HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST - HS, ngày 09/6/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **S T**; (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1981; tại: Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Đội 8A, thôn Đ, xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Do, sinh năm 1955 và con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1957; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; con: Có 2 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; danh chỉ bản số 0247, lập ngày 04/4/2021 tại Công an huyện L, thành phố Hà Nội; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ 28/03/2021 đến ngày 04/04/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T có quen biết Nguyễn Hoàng R – sinh năm 1979; trú tại: Đội 8A, X, M, L, Hà Nội, là bạn xã hội của T. Khoảng 22 giờ ngày 28/03/2021, T đang đi bộ từ cầu Vương, T, M, L về nhà ở X, M, L thì gặp R điều khiển xe ô tô con 04 chỗ, màu trắng (T không rõ BKS của xe và xe ô tô loại gì) hỏi T “có đi chơi không” thì T hiểu ngay là R là R rủ T đi sử dụng ma túy, T đồng ý, lên xe ô tô ngồi ở ghế sau của xe. Trên xe lúc này chỉ có R và T. Khi đang đi thì R nói với T là đi “bay” tức là sử dụng ma túy tổng hợp. Sau đó R lái xe chở T đến khu vực trước cửa quán Karaoke Mr D ở số 351 Ngõ V, Trâu Quỳ, L, Hà Nội thì R dừng xe và đưa cho T 01 túi nilong màu trắng, T biết túi nilong có ma túy ở bên trong. Sau đó T mở cửa bên phải ở hàng ghế sau và xuống xe còn túi nilong T cầm ở tay trái. Khi xuống xe, đóng cửa đi được một vài bước thì T bị tổ công tác Đại đội 3 – Trung đoàn CSCĐ Công an TP. Hà Nội phối hợp cùng Công an thị trấn Trâu Quỳ, huyện L kiểm tra, phát hiện và bắt giữ cùng vật chứng. Ngay sau khi T vừa xuống xe và bị lực lượng Công an kiểm tra thì R đã điều khiển xe đi chỗ khác.

Vật chứng Cơ quan Công an thu giữ ở tay trái của S T: 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa 05 viên nén màu cam; 02 túi nilong màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có chữ Oppo màu đen, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim liên lạc số 098949655. (BL: 32,33,42)

Tại Kết luận giám định số 2729/KLGD – PC09 ngày 04/04/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: - Tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilong đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,463 gam; - 05 viên nén màu cam bên trong 01 túi nilong đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 2,084 gam.

Tại Cơ quan điều tra - Công an huyện L, S T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số: 97/CT-VKSGL, ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã quyết định truy tố bị cáo S T ra trước Tòa án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo S T đã thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,463 gam và ma túy loại MDMA có khối lượng 2,084 gam với mục đích để sử dụng cho bản thân là sai, vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng

số 97/CT-VKSGL, ngày 31/5/2021. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo S T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo S T mức án phạt tù từ 28 tháng tù đến 32 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/03/2021 đến ngày 04/04/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên: Tịch thu và tiêu hủy: - 01 phong bì niêm phong có chữ ký xác nhận niêm phong của Giám định viên và của S T. Bên trong phong bì có: 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa 05 viên nén màu cam đều là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 1,548 gam. (Đã trích mẫu 0,536 gam để giám định) và 02 túi nilong màu trắng bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,308 gam. (Đã trích mẫu 0,155 gam để giám định).

- Trả lại tài sản cho bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau có chữ OPPO, bên trong lắp sim số 098949655, máy cũ đã qua sử dụng.

Bị cáo S T sau khi nghe quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, bị cáo thừa nhận có tội và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,463g và ma túy loại MDMA có khối lượng 2,084g mục đích để sử dụng cho bản thân là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bản thân bị cáo bị bệnh ung thư nên phải thường xuyên điều trị ở Bệnh viện.

Căn cứ vào chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo S T: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo S T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường, Kết luận giám định, Lời khai người làm chứng và các biên bản, tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo T có quen biết Nguyễn Hoàng R – sinh năm 1979; trú tại: Đội 8A, X, M, L, Hà Nội, là bạn xã hội của T. Khoảng 22 giờ ngày 28/03/2021, T đang đi bộ từ cầu Vương, T, M, L về nhà ở X, M, L thì gặp R điều khiển xe ô tô con 04 chỗ, màu trắng (T không rõ BKS của xe và xe ô tô loại gì) hỏi T “có đi chơi không” thì T hiểu ngay là R là R rủ T đi sử dụng ma túy, T đồng ý, lên xe ô tô ngồi ở ghế sau của xe. Trên xe lúc này chỉ có R và T. Khi đang đi thì R nói với T là đi “bay” tức là sử dụng ma túy tổng hợp. Sau đó R lái xe chở T đến khu vực trước cửa quán Karaoke Mr D ở số 351 Ngõ V, Trâu Quỳ, L, Hà Nội thì R dừng xe và đưa cho T 01 túi nilong màu trắng, T biết túi nilong có ma túy ở bên trong. Sau đó T mở cửa bên phải ở hàng ghế sau và xuống xe còn túi nilong T cầm ở tay trái. Khi xuống xe, đóng cửa đi được một vài bước thì T bị tổ công tác Đại đội 3 – Trung đoàn CSCĐ Công an TP. Hà Nội phối hợp cùng Công an thị trấn Trâu Quỳ, huyện L kiểm tra, phát hiện và bắt giữ cùng vật chứng. Ngay sau khi T vừa xuống xe và bị lực lượng Công an kiểm tra thì R đã điều khiển xe đi chỗ khác.

[3]. Vật chứng Cơ quan Công an thu giữ ở tay trái của S T: 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa 05 viên nén màu cam; 02 túi nilong màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có chữ Oppo màu đen, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim liên lạc số 098949655. (BL: 32,33,42)

[4]. Tại Kết luận giám định số 2729/KLGD – PC09 ngày 04/04/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: - Tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilong đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,463 gam; - 05 viên nén màu cam bên trong 01 túi nilong đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 2,084 gam.

Ma túy loại Ketamine và ma túy loại MDMA thuộc danh mục các chất ma túy mà Nhà nước cấm sử dụng.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 28/03/2021, tại khu vực trước cửa quán Karaoke Mr D nhà số 351 Ngõ V, Trâu Quỳ, L, Hà Nội, bị cáo S T khi đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,463 gam và ma túy loại MDMA có khối lượng 2,084 gam với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác Đại đội 3 – Trung đoàn CSCĐ Công an TP. Hà Nội kiểm tra, phát hiện và bắt giữ cùng vật chứng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo S T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, truy tố bị cáo S T ra trước Tòa án theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Lời nói cuối cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thời gian điều trị bệnh ung thư ở Bệnh viện.

[7]. Xét tính chất vụ án: Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, trị an xã hội là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác. Bị cáo là người trưởng thành có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật. Mặc dù bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng ngày 28/03/2021 bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,463 gam và ma túy loại MDMA có khối lượng 2,084 gam với mục đích để bị cáo sử dụng cho bản thân. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh và giáng cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[8]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình để Cơ quan cảnh sát điều tra, điều tra kết thúc vụ án sớm. Đây là lần đầu bị cáo bị truy

tổ, xét xử. Bị cáo là người có trình độ văn hóa chưa học hết lớp 12 nên hiểu biết có phần hạn chế. Ngoài ra, theo tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện ung biểu Hà Nội – Sở y tế Hà Nội ngày 31/3/2021 thể hiện bị cáo T bị Ung thư đại tràng trái đã điều trị T4ANOMO giai đoạn 2. Vì vậy, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9]. Về Áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[10]. Về xử lý vật chứng: - Đối với 01 phong bì niêm phong có chữ ký xác nhận niêm phong của Giám định viên và của S T. Bên trong phong bì có: 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa 05 viên nén màu cam đều là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 1,548 gam. (Đã trích mẫu 0,536 gam để giám định) và 02 túi nilong màu trắng bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,308 gam. (Đã trích mẫu 0,155 gam để giám định). Đây là vật chứng nhà nước cấm lưu hành và liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau có chữ OPPO, bên trong lắp sim số 098949655, máy cũ đã qua sử dụng là điện thoại của bị cáo T dùng để sử dụng vào sinh hoạt hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần thiết trả lại cho bị cáo.

[11]. Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với lời khai của bị cáo S T khai nhận về số ma túy T bị Cơ quan Công an thu giữ ngày 28/3/2021 là của Nguyễn Hoàng R đưa cho T cầm để sau đó cả 02 người cùng sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT – Công an huyện L đã tiến hành lấy lời khai của Nguyễn Hoàng R và cho tiến hành đối chất giữa bị cáo với R nhưng Nguyễn Hoàng R không thừa nhận về việc đã gặp và đưa số ma túy cho bị cáo T để cùng nhau sử dụng như bị cáo T đã khai, ngoài lời khai của bị cáo T không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Nguyễn Hoàng R đã đưa cho bị cáo T số ma túy vào ngày 28/3/2021 nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện L không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hoàng R.

[12]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một

phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **S T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **S T 18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/03/2021 đến ngày 04/04/2021).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo **S T**.

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có chữ ký xác nhận niêm phong của Giám định viên và của **S T**. Bên trong phong bì có: 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa 05 viên nén màu cam đều là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 1,548 gam. (Đã trích mẫu 0,536 gam để giám định) và 02 túi nilong màu trắng bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,308 gam. (Đã trích mẫu 0,155 gam để giám định).

Trả lại tài sản cho bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau có chữ OPPO, bên trong lắp sim số 098949655, máy cũ đã qua sử dụng.

(Số vật chứng, tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện L đang quản lý theo Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 03/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, Thành phố Hà Nội).

4. Áp dụng Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, bị cáo S T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- UBND xã M, L, Hà Nội;
- (Thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an, VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 04 tờ, 08 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thành Nam

Bản án gốc này có 06 tờ, 12 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Bản án gốc này có 05 trang, tại phòng nghị án, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã tự mình đọc lại, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Gia L©m, ngày 13 tháng 4 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Tòa án nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự

Bà Nguyễn Thị Chấn

Căn cứ vào Điều 199 và điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự

Ngày 13 tháng 4 năm 2017, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện L, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm đã thụ lý số 25/2017/TLST-HS, ngày 13/4/2017 đối với bị cáo Lê Quang Minh bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội truy tố về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm c khoản 2 điều 138 – Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Quang Minh phạm tội “Trộm cắp T sản”. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 138, điều 18; khoản 1,3 điều 52; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 33- Bộ luật hình sự

Áp dụng điểm a,đ khoản 2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự
Áp dụng điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

1. Về mức hình phạt: Xử phạt: Lê Quang Minh 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06.01.2017. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Quang Minh 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

4. Về vật chứng: tịch thu để tiêu hủy 01 đoạn vạm phá khóa bằng kim loại dài 06cm hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L (theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/3/2017). Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

6. Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ $3/3 = 100\%$.

Biên bản nghị án này gồm có 01 tờ. Tại phòng nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ biên bản nghị án này, công nhận là đúng và đầy đủ và ký xác nhận dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa